

Số: 4406/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 15 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo
năm học 2016 - 2017**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về tuyển dụng, chuyển công tác viên chức và xếp lương khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp;

Căn cứ Hướng dẫn số 1511/HD-SNV ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn thực hiện Quy định về tuyển dụng, chuyển công tác viên chức và xếp lương khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2016 - 2017;

Xét đề nghị của Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8 (tại Tờ trình số 99/TTr-GDĐT ngày 13 tháng 9 năm 2016) và Trường Phòng Nội vụ Quận 8,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2016 - 2017, cụ thể như sau:

- Ứng viên trúng tuyển: 117 người (đính kèm danh sách);
- Ứng viên không trúng tuyển: 96 người (đính kèm danh sách).

Điều 2. Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8 niêm yết công khai danh sách ứng viên trúng tuyển tại trụ sở làm việc của cơ quan; gửi Thông báo đến từng ứng viên trúng tuyển theo quy định.

Điều 3. Giao Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8 chịu trách nhiệm hướng dẫn Hiệu trưởng các trường học thuộc quận thực hiện thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ của người trúng tuyển và ký kết hợp đồng làm việc theo quy định.

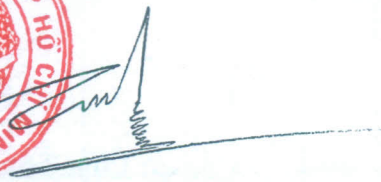
Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8, Trưởng Phòng Nội vụ Quận 8, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8, Thủ trưởng đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT: QU-HĐND-UBND Q8;
- Lưu: VT, M. 

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC




Lê Quỳnh Đài



DANH SÁCH
ỨNG VIÊN TRÚNG TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2016 - 2017
(kèm theo Quyết định số **4406** /QĐ-UBND ngày **15** tháng **9** năm 2016 của Ủy ban nhân dân Quận 8)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Xếp loại tốt nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=16+19)	Văn bằng khác	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành				Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tốt nghiệp	ĐTB toàn khóa (= (14*10+15*10) hoặc 14*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTB (= (17+18) *2)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
I. Khối mầm non và Trường Hy Vọng: 27/37 chỉ tiêu																						
1	004	Nguyễn Minh Châu	20/12/1985	Sóc Trăng	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Khá	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Việt Nhì	Giáo viên mầm non	7.9	7.7	156	15	39	108	264		Trúng tuyển	
2	005	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	20/01/1991	TPHCM	Đại học	Sư phạm Mầm non	Khá	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Việt Nhì	Giáo viên mầm non	7.45		149	22	38	120	269		Trúng tuyển	
3	013	Bùi Thị Bích Ngọc	20/01/1994	TPHCM	Đại học	Giáo dục Mầm non	Khá	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Giáo viên mầm non	7.13		142.6	19.5	40	119	261.6		Trúng tuyển	
4	015	Nguyễn Hoàng Thủy Vy	01/02/1996	Long An	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Khá	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Giáo viên mầm non	8	7.7	157	16.5	60	153	310		Trúng tuyển	
5	014	Thái Hồng Thắm	01/01/1983	TPHCM	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Khá	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Giáo viên mầm non	8	7.7	157	12	44	112	269		Trúng tuyển	
6	008	Nguyễn Kiên Đan	01/12/1982	TPHCM	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Khá	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ	Giáo viên mầm non	7.8	7.2	150	12	42	108	258		Trúng tuyển	
7	009	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	12/01/1995	TPHCM	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Khá	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ	Giáo viên mầm non	7.85		157	15	42	114	271		Trúng tuyển	
8	012	Huỳnh Thị Bích Liên	12/02/1995	TPHCM	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Giỏi	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	Giáo viên mầm non	8.13		162.6	18	40	116	278.6		Trúng tuyển	
9	010	Nguyễn Thị Phương Thảo	25/7/1991	Bạc Liêu	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Khá	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	Giáo viên mầm non	7.2		144	20	41	122	266		Trúng tuyển	
10	011	Nguyễn Thị Thủy Vy	30/3/1990	TPHCM	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Giỏi	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	Giáo viên mầm non	8.3		166	12	38	100	266		Trúng tuyển	
11	017	Phan Thị Kim Tuyền	19/12/1995	TPHCM	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Khá	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	Giáo viên mầm non	7.9	7.5	154	16	38	108	262		Trúng tuyển	
12	006	Võ Hoàng Mộng Quyên	24/6/1996	Vĩnh Long	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Giỏi	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vành Khuyên	Giáo viên mầm non	8.2	8.2	164	12.5	40	105	269		Trúng tuyển	
13	007	Lê Hoàn Kim	29/12/1990	TPHCM	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Khá	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vành Anh	Giáo viên mầm non	8.1	7.3	154	12	38	100	254		Trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Xếp loại tốt nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=16+19)	Văn bằng khác	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành				Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tốt nghiệp	DTB toàn khóa (= (14*10+15*10) hoặc 14*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTB (= (17+18)*2)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
14	019	Vũ Quốc Phương	01/09/1988	TPHCM	Đại học	Giáo dục Mầm non	Khá	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Nắng Mai	Giáo viên mầm non	7.45		149	17	39	112	261		Trung tuyển	
15	020	Huỳnh Thị Ngọc Chi	26/10/1981	TPHCM	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trung bình Khá	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Nắng Mai	Giáo viên mầm non	6.99		139.8	13.5	38	103	242.8		Trung tuyển	
16	018	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	12/5/1995	Đồng Nai	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Giỏi	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca	Giáo viên mầm non	8.25		165	15	40	110	275		Trung tuyển	
17	023	Vũ Hoài Lan Anh	28/7/1989	TPHCM	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Giỏi	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Kim Đồng	Giáo viên mầm non	8.1	8	161	14	39	106	267		Trung tuyển	
18	022	Nguyễn Ngọc Lan Nhi	25/11/1992	Tiền Giang	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Khá	Anh-B	B	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Kim Đồng	Giáo viên mầm non	7.31		146.2	11	39	100	246.2		Trung tuyển	
19	21	Huỳnh Mỹ Trân	1/2/1996	TPHCM	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Trung bình Khá	Anh-A	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Kim Đồng	Giáo viên mầm non	7.3	6.2	135	15	41	112	247		Trung tuyển	
20	025	Thiều Thị Thanh	8/12/1995	Thanh Hoá	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Giỏi	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Hồng	Giáo viên mầm non	8.22		164.4	15	60	150	314.4		Trung tuyển	
21	027	Vương Kim Thi	15/12/1993	Bình Dương	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Trung bình	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Hồng	Giáo viên mầm non	6.8		136	14	39	106	242		Trung tuyển	
22	026	Trương Thị Tuyết Hương	10/10/1994	TPHCM	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Trung bình Khá	Anh-A	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Hồng	Giáo viên mầm non	6.9		138	16	38	108	246		Trung tuyển	
23	028	Dương Thị Phương Trinh	1/3/1994	TPHCM	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Giỏi	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bé Ngoan	Giáo viên mầm non	8	8.2	162	13.5	40	107	269		Trung tuyển	
24	029	Hoàng Bảo Ngọc	8/10/1989	Thái Bình	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Khá	Anh-B	B	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bé Ngoan	Giáo viên mầm non	7.5	7.3	148	20.5	38	117	265		Trung tuyển	
25	024	Nguyễn Phương Tâm	16/8/1990	TPHCM	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Giỏi	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Sen	Giáo viên mầm non	8.5	9.3	178	12.5	38	101	279		Trung tuyển	
26	001	Đặng Thị Bích Trâm	11/11/1986	TPHCM	Cao đẳng	Sư phạm Mầm non	Khá	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	Giáo viên mầm non	7.34		146.8	15.5	40	111	257.8		Trung tuyển	
27	030	Nguyễn Thị Kim Phụng	21/6/1993	TPHCM	Cao đẳng	Giáo dục đặc biệt	Khá	Toeic 350	A	Giáo viên mầm non dạy trẻ khuyết tật	Trường HV Vọng Quán 8	Giáo viên mầm non	7.64		152.8	21	53	148	300.8		Trung tuyển	

II. Khối Tiểu học: 46/89 chỉ tiêu

1	31	Phạm Văn Đức	12/8/1991	Nghệ An	Đại học	Giáo dục Thể chất	Giỏi	Anh B	B	GVTH dạy Thể dục	Trường Tiểu học An Phong	Giáo viên tiểu học	8.5		170	12.5	64	153	323		Trung tuyển	
2	33	Phạm Hoàng Uyên	02/3/1994	Đồng Tháp	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Xuất sắc	Anh B	A	Dạy nhiều môn	Trường Tiểu học An Phong	Giáo viên tiểu học	9.28		185.6	15	68	160	351.6		Trung tuyển	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vếp loại tốt nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=16+19)	Văn bằng khác	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành				Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình các môn nghiệp vụ	ĐTB toàn khóa (= (14*10+15*10) hoặc 14*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTN (= (17+18)*2)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
3	34	Trần Thị Mai Lan	14/8/1994	Ninh Bình	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Khá	Anh B	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học An Phong	Giáo viên tiểu học	7.06		141.2	20	61	162	303.2		Trúng tuyển	
4	35	Hoàng Kim Dung	27/4/1977	Sông Bé	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Trung bình	ĐH Anh	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học An Phong	Giáo viên tiểu học	5.78		115.6	12.5	39	103	218.6		Trúng tuyển	
5	47	Hồ Thị Nhung	6/5/1992	Hà Tĩnh	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Khá	Anh B	B	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Bồng Sao	Giáo viên tiểu học	7.61		152.2	12.5	54	133	285.2		Trúng tuyển	
6	46	Huỳnh Thị Kim Thảo	22/7/1980	TPHCM	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Trung bình Khá	Anh B	VP	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Bồng Sao	Giáo viên tiểu học	6.77		135.4	14	40	108	243.4		Trúng tuyển	
7	38	Lê Văn Toàn	02/3/1995	TPHCM	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	Khá	Anh B	B	Giáo viên Tổng phụ trách Đội	Trường Tiểu học Bùi Minh Trưc	Giáo viên tiểu học	7.2		144	13	61	148	292		Trúng tuyển	
8	39	Vũ Thị Duyên	25/8/1990	Nam Định	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	Anh B	B	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Bùi Minh Trưc	Giáo viên tiểu học	8.04		160.8	15	45	120	280.8		Trúng tuyển	
9	43	Trần Mỹ Ngọc	22/2/1993	TPHCM	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Khá	Anh B	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Hoàng Minh Đạo	Giáo viên tiểu học	7.73		154.6	16.5	66	165	319.6		Trúng tuyển	
10	41	Phạm Thị Thương Thương	6/10/1984	Hải Dương	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Khá	Anh B	B	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Hoàng Minh Đạo	Giáo viên tiểu học	7.76		155.2	12.5	42	109	264.2		Trúng tuyển	
11	42	Hoàng Thị Thu	04/3/1992	Cao Bằng	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Khá	Anh B	B	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Hoàng Minh Đạo	Giáo viên tiểu học	7.04		140.8	13.5	53	133	273.8		Trúng tuyển	
12	44	Dương Trương Hữu Tài	22/8/1992	TPHCM	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	Khá	Anh B	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Hoàng Minh Đạo	Giáo viên tiểu học	6.9	8.3	152	12.5	38	101	253		Trúng tuyển	
13	45	Nguyễn Đức Tài	19/02/1995	TPHCM	Cao đẳng	Sư phạm Âm nhạc	Trung bình	Anh B	A	GVTH dạy Âm nhạc	Trường Tiểu học Hưng Phú	Giáo viên tiểu học	6.84		136.8	12.5	64	153	289.8		Trúng tuyển	
14	46	Nguyễn Phương Thảo	02/01/1989	Tây Ninh	Cao đẳng	Sư phạm Âm nhạc	Khá	Anh B	A	GVTH dạy Âm nhạc	Trường Tiểu học Lý Nhân Tông	Giáo viên tiểu học	7.33		146.6	18	69	174	320.6		Trúng tuyển	
15	47	Trần Linh	1/1/1985	Bến Tre	Đại học	Giáo dục Thể chất	Khá	Anh B	B	GVTH dạy thể dục	Trường Tiểu học Lý Nhân Tông	Giáo viên tiểu học	7.85		157	12.5	69	163	320		Trúng tuyển	
16	49	Cao Thị Ngọc Huỳnh	24/11/1995	TPHCM	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Khá	Anh B	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Lý Nhân Tông	Giáo viên tiểu học	7.06		153.2	19	58	154	307.2		Trúng tuyển	
17	48	Nguyễn Kim Ngân	25/10/1995	TPHCM	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Khá	Anh B	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Lý Nhân Tông	Giáo viên tiểu học	7.08		153.6	12.5	59	143	296.6		Trúng tuyển	
18	53	Phạm Thị Diễm Hương	24/10/1993	Hà Tĩnh	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Trung bình Khá	Anh B	B	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Trưc	Giáo viên tiểu học	6.7		134	20	63	160	308		Trúng tuyển	
19	51	Vũ Ngọc Diệp	16/02/1993	Nam Hà	Đại học	Sư phạm Tin học	Khá	Anh B	Đại học	GVTH dạy Tin học	Trường Tiểu học Nguyễn Trưc	Giáo viên tiểu học	6.83		136.6	13.5	59	145	281.6		Trúng tuyển	

STT	Số bảo đảm	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Xếp loại tốt nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=16+19)	Văn bằng khác	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành				Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình thi nghiệp	DTB toàn khoá (= (14*10+15*10) hoặc 14*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTN (= (17+18)*2)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
20	50	Trần Thu Trà My	20/11/1992	TPHCM	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Trung bình	Anh B	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Lý Thái Tổ	Giáo viên tiểu học	5.93		118.6	12.5	27	110	237.6		Trung tuyển	
21	54	Lê Chu Nhật	20/8/1993	Long An	Cao đẳng	GD thể chất	Trung bình Kha	Anh B	A	Giáo viên Tổng phụ trách Đội	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Ngạn	Giáo viên tiểu học	6.42		128.4	17.5	52	139	267.4		Trung tuyển	
22	55	Trương Đình Đoàn Thục	11/5/1993	TPHCM	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Kha	Anh B	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Ngạn	Giáo viên tiểu học	7.51		150.2	16	79	172	322.2		Trung tuyển	
23	56	Cao Thị Thanh Trúc	28/12/1993	Thừa Thiên Huế	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Kha	Anh B	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Ngạn	Giáo viên tiểu học	7.37		147.4	16.5	65	163	310.4		Trung tuyển	
24	57	Nguyễn Trọng Uyên	17/04/1982	Long An	Cao đẳng	Sư phạm Âm nhạc	Trung bình Kha	Anh B	A	GVTH dạy Âm nhạc	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu	Giáo viên tiểu học	6.07		121.4	19	62	162	283.4		Trung tuyển	
25	58	Bùi Hữu Quang	8/30/1988	Đắk Lắk	Cao đẳng	Sư phạm Mỹ thuật	Kha	Anh B	A	GVTH dạy Mỹ Thuật	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu	Giáo viên tiểu học	7.37		147.4	17	59	152	299.4		Trung tuyển	
26	60	Hồ Thanh Dũng	5/24/1987	Đắk Lắk	Đại học	Giáo dục Thể chất	Kha	Anh B1	A	GVTH dạy Thể dục	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu	Giáo viên tiểu học	7.16		143.2	14.5	58	145	288.2		Trung tuyển	
27	61	Nguyễn Minh Tâm	16/9/1995	TPHCM	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Kha	Anh B	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu	Giáo viên tiểu học	7.62		152.4	12.5	63	153	305.4		Trung tuyển	
28	62	Nguyễn Thu Quyên	12/6/1990	Hà Nam	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Kha	Anh B	B	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu	Giáo viên tiểu học	7.08		141.6	15.5	55	141	282.6		Trung tuyển	
29	63	Lê Thị Ly	03/05/1991	Thanh Hoá	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	Kha	Anh B	A	GVTH dạy Mỹ Thuật	Trường Tiểu học Rach Ông	Giáo viên tiểu học	7.68		153.6	12.5	65	155	308.6		Trung tuyển	
30	64	Nguyễn Ngọc Minh	26/9/1991	Quảng Bình	Đại học	Giáo dục Thể chất	Kha	Anh B	B	GVTH dạy Thể dục	Trường Tiểu học Rach Ông	Giáo viên tiểu học	7.31		146.2	16.5	55	143	289.2		Trung tuyển	
31	65	Ngô Thụy Phương Loan	19/10/1994	TPHCM	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	Anh B	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Rach Ông	Giáo viên tiểu học	7.73		154.6	19	54	146	300.6		Trung tuyển	
32	66	Trần Thị Linh Chi	17/01/1994	TPHCM	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	Anh B	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Rach Ông	Giáo viên tiểu học	8.29		165.8	16	63	158	323.8		Trung tuyển	
33	67	Nguyễn Nguyễn Hiền	8/4/1992	Bình Định	Đại học	Giáo dục Thể chất	Giỏi	Anh B	A	GVTH dạy Thể dục	Trường Tiểu học Thái Hưng	Giáo viên tiểu học	8.68		161.6	16	62	150	317.6		Trung tuyển	
34	69	Lê Thị Lịch	01/03/1994	Thanh Hoá	Cao đẳng	Sư phạm Mỹ thuật	Kha	Anh B	B	GVTH dạy Mỹ Thuật	Trường Tiểu học Tuy Lý Vương	Giáo viên tiểu học	7.63		146.6	15	61	152	292.6		Trung tuyển	
35	70	Hoàng Kim Vinh	11/11/1993	Quảng Tr.	Đại học	Sư phạm Thể chất - Giáo dục Quốc phòng	Kha	Anh B	A	GVTH dạy Thể dục	Trường Tiểu học Tuy Lý Vương	Giáo viên tiểu học	7.18		143.6	15.5	57	145	308.6		Trung tuyển	
36	73	Trần Thanh Hà	04/6/1995	TPHCM	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Kha	Anh B	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Tuy Lý Vương	Giáo viên tiểu học	7.91		158.2	15	76	160	324.2		Trung tuyển	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Nếp loại tốt nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=16*19)	Văn bằng khác	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành				Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tốt nghiệp	ĐTB toàn khóa (= (14*10+15*10) hoặc 14*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTB (= (17+18)*2)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
37	72	Trương Quang Nguyên	13/10/1983	TPHCM	Trung cấp	Giáo dục Tiểu học	Khả	Anh B	B	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Tuy Ly Vương	Giáo viên tiểu học	7.45		149	14	58	144	293		Trúng tuyển	
38	74	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	18/8/1989	TPHCM	Đại học	Khoa học Thư viện	Khả	Anh A	A	Nhập viên thư viện	Trường Tiểu học Vàm Cỏ Đông	Nhân viên	7		140	14	64	166	306		Trúng tuyển	
39	76	Lâm Thị Trang Đài	16/12/1994	TPHCM	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Khả	Anh B	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Vam Cỏ Đông	Giáo viên tiểu học	7.3		140	16	69	170	316		Trúng tuyển	
40	78	Nguyễn Thị Tuyết Loan	25/7/1995	TPHCM	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Khả	Anh B	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Vam Cỏ Đông	Giáo viên tiểu học	7.93		158.6	15	62	154	312.6		Trúng tuyển	
41	77	Trần Văn Linh	22/10/1993	Quảng Bình	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	Anh B	B	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Vam Cỏ Đông	Giáo viên tiểu học	8.3		166	12.5	43	111	277		Trúng tuyển	
42	75	Nguyễn Thị Hương	12/2/1994	Nam Định	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Khả	Anh B	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Vam Cỏ Đông	Giáo viên tiểu học	6.83		136.6	16	41	114	250.6		Trúng tuyển	
43	79	Phan Thị Ngọc Nga	04/3/1993	TPHCM	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Khả	Anh B	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Lưu Hữu Phước	Giáo viên tiểu học	6.93		138.6	13.5	60	159	297.6		Trúng tuyển	
44	80	Nguyễn Ngọc Huy	3/8/1984	TPHCM	Đại học	Công nghệ Thông tin	Khả	Anh B	Đại học	GVTH dạy Tin học	Trường Tiểu học Nguyễn Nhược Thi	Giáo viên tiểu học	7.23		144.6	16.5	67	155	299.6		Trúng tuyển	
45	81	Huỳnh Hương	25/12/1994	TPHCM	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Khả	Anh B	A	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Nhược Thi	Giáo viên tiểu học	7.51		150.2	16	65	162	312.2		Trúng tuyển	
46	82	Phạm Ngọc Thủy Linh	28/1/1993	TPHCM	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	Giỏi	Anh B	B	Day nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Nhược Thi	Giáo viên tiểu học	8		160	12.5	65	155	315		Trúng tuyển	

II. Khối Trung học cơ sở: 44/64 chỉ tiêu

1	84	Lê Thị Út Mai	01/12/1991	Lâm Đồng	Cao đẳng	Sư phạm Ngữ văn	Trung bình khá	Anh B	A	Giáo viên: Ngữ Văn	Trường THCS Bình Đông	Giáo viên trung học cơ sở	6.46		129.2	17	51	136	265.2		Trúng tuyển	
2	86	Nguyễn Thái Ngọc Tuyền	04/10/1993	TPHCM	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Khả	Trung A	A	Giáo viên: Anh văn	Trường THCS Bình Đông	Giáo viên trung học cơ sở	7.48		149.6	16	59	138	287.6		Trúng tuyển	
3	88	Nguyễn Thị Ngọc Hà	14/8/1993	Bến Tre	Đại học	Sư phạm Sinh học	Khả	Anh B	A	Giáo viên: Sinh	Trường THCS Bình Đông	Giáo viên trung học cơ sở	7.89		157.8	17	59	152	309.8		Trúng tuyển	
4	92	Vũ Thị Xuyến	08/11/1993	Nam Định	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Khả	Anh B	B	Giáo viên: Ngữ Văn	Trường THCS Chanh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	7.74		154.8	14	51	130	284.8		Trúng tuyển	
5	96	Trần Thị Ngọc Hương	10/03/1995	TPHCM	Cao đẳng	Sư phạm Ngữ văn	Khả	Anh B	A	Giáo viên: Ngữ Văn	Trường THCS Chanh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	7.46		149.2	16	69.7	171.34	320.54		Trúng tuyển	
6	97	Vân Phước Lộc	13/01/1994	TPHCM	Đại học	Giáo dục thể chất	Khả	Anh B	B	Giáo viên: Thể dục	Trường THCS Chanh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	6.4		128	16	49	118	246		Trúng tuyển	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Nếp loại tốt nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=16+19)	Văn bằng khác	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành				Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tốt nghiệp	ĐTB toàn khóa (= (14*10+15*10) hoặc 14*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTN (= (17+18)*2)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
7	103	Đinh Thị Thu Thảo	17/04/1991	Đắk Lắk	Đại học	Hóa học	Khá	Anh B	B	Giáo viên Hóa	Trường THCS Chánh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	7.53		150.6	13	55	136	286.6		Trung tuyển	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm
8	111	Nguyễn Đăng Khoa	06/01/1990	Quảng Bình	Đại học	Văn học	Giỏi	Anh B	B	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Dương Bá Trạc	Giáo viên trung học cơ sở	8.18		163.6	18	55.67	147.34	310.94		Trung tuyển	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm
9	107	Lữ Thị Hồng Thắm	28.1.1991	Bến Tre	Cao đẳng	Sư phạm Ngữ văn	Trung bình	Anh B	B	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Dương Bá Trạc	Giáo viên trung học cơ sở	6.51		130.2	15	60	150	280.2		Trung tuyển	
10	113	Nguyễn Thị Thanh Huyền	01/06/1984	Thái Bình	Cao đẳng	Sư phạm Mỹ Thuật-Công tác Đoàn	Khá	Anh B	B	Giáo viên Mỹ thuật	Trường THCS Dương Bá Trạc	Giáo viên trung học cơ sở	7.3		146	18.5	59.33	155.66	301.66		Trung tuyển	
11	115	Nguyễn Hữu Thao	29/08/1993	Thanh Hóa	Đại học	Sư phạm Sinh học	Giỏi	Anh C	B	Giáo viên Sinh	Trường THCS Dương Bá Trạc	Giáo viên trung học cơ sở	7.8		156	19	52.33	142.66	298.66		Trung tuyển	
12	114	Trần Thị Hằng	22/10/1991	Nam Định	Đại học	Sư phạm Sinh học	Khá	Anh B1	B	Giáo viên Sinh	Trường THCS Dương Bá Trạc	Giáo viên trung học cơ sở	7.72		154.4	17	48	130	284.4	Thạc sĩ Sinh học thực nghiệm-THUẬN HÒA X.Đ	Trung tuyển	
13	120	Đinh Thị Thành	26/11/1991	Phù Thọ	Cao đẳng	Sư phạm Vật lý	Khá	Anh B	B	Tổng phụ trách Đoàn	Trường THCS Khánh Bình	Giáo viên trung học cơ sở	8.01		160.2	16	65	162	322.2		Trung tuyển	
14	116	Đinh Thị Thanh Vy	22/01/1974	Ninh Thuận	Đại học	Anh văn	Trung bình Khá	Trung B	A	Giáo viên Anh văn	Trường THCS Khánh Bình	Giáo viên trung học cơ sở	6.33		126.6	16	54.33	140.66	267.26		Trung tuyển	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm
15	123	Lê Thị Mai	20/10/1983	Bình Phước	Đại học	Sư phạm Hóa học	Khá	Anh B	A	Phụ trách Thí nghiệm	Trường THCS Khánh Bình	Giáo viên trung học cơ sở	7.6		152	16.5	66	164	317		Trung tuyển	
16	124	Bùi Thị Trang	24.5/1985	Thanh Hóa	Đại học	Ngữ văn Anh	Trung bình Khá	Đại học Nga, Anh B2	B	Giáo viên Anh văn	Trường THCS Lý Thánh Tông	Giáo viên trung học cơ sở	6.9		138	22.5	63.3	171.66	309.66		Trung tuyển	
17	127	Huỳnh Kim Ngân	12/06/1992	Tiền Giang	Đại học	Giao dục thể chất	Giỏi	Anh B	B	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Lý Thánh Tông	Giáo viên trung học cơ sở	8.07		161.4	17	51	136	297.4		Trung tuyển	
18	136	Lê Thị Thảo	10/06/1987	Thanh Hóa	Đại học	Sư phạm Vật lý	Khả	B1	B	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Lý Thánh Tông	Giáo viên trung học cơ sở	7.48		149.6	23	56.3	158.66	308.26	Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học môn Vật lý Đại học Vinh	Trung tuyển	
19	137	Phan Duy Hiệp	10/06/1987	Đắk Lắk	Đại học	Sinh học	Khả	Anh B1	Sơ cấp nghề	Giáo viên Sinh	Trường THCS Lý Thánh Tông	Giáo viên trung học cơ sở	7.12		142.4	18	60.3	156.66	299.66	Thạc sĩ Sinh học thực nghiệm - Đại học Tây Nguyên	Trung tuyển	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm
20	138	Phạm Thị Hương	09/03/1989	Thái Bình	Đại học	Hóa học	Khả	Anh B	A	Phụ trách Thí nghiệm	Trường THCS Lý Thánh Tông	Giáo viên trung học cơ sở	7.45		149	17	66.7	167.34	316.34		Trung tuyển	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm
21	139	Nguyễn Thị Diệu	01/01/1994	Quảng Trị	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Xuất sắc	Anh B	A	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	8.84		176.8	21	51	144	320.8		Trung tuyển	
22	142	Trương Thị Thanh Phương	09/01/1976	TPHCM	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	Hoa B, Anh C/EFER	A	Giáo viên Anh văn	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	7.04		140.8	14	58.7	145.32	286.12		Trung tuyển	
23	143	Nguyễn Thị Kim Tiên	26/06/1992	Huế	Đại học	Vật lý	Khả	Anh C	B	Tổng phụ trách Đoàn	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	8.01		160.2	21	61	162	322.2		Trung tuyển	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Xếp loại tốt nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=16+19)	Văn bằng khác	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành				Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình đầu nghiệp	ĐTB toàn khóa (= (14*10+15*10) hoặc 14*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTH (= (17+18)*2)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
24	146	Phạm Thị Thanh Nhân	01/07/1981	Quảng Nam	Đại học	Sư phạm Toán học	Giỏi	Anh B	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	7.95		159	19	59.7	157.34	311.12		Trung tuyển	
25	145	Lâm Chanh Tha	26/5/1985	Đồng Tháp	Đại học	Sư phạm Toán học	Khá	Anh B	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	7.22		144.4	20	58.3	156.66	301.06		Trung tuyển	
26	149	Vũ Trần Hoàng	18/03/1981	TPHCM	Đại học	Sư phạm Toán học	Trung bình khá	Anh B	KTV	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	6.13		122.6	17	55	144	260.6		Trung tuyển	
27	159	Nguyễn Hữu Tháo	29/6/1989	Nghệ An	Cao đẳng	Thư viện Thông tin	Khá	Anh B	B	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Nhân viên thư viện	6.92		138.4	13	65	156	292.4		Trung tuyển	
28	162	Phan Thị Thanh Danh	16/10/1989	Đắk Lắk	Đại học	Sư phạm Toán học	Trung bình khá	Anh B	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Đại Dĩnh	Giáo viên trung học cơ sở	6.47		129.4	18.5	50	137	260.4		Trung tuyển	
29	169	Võ Thị Kim Hoàng	1989	Đồng Tháp	Đại học	Sư phạm Vật lý	Khá	B1	B	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Đại Dĩnh	Giáo viên trung học cơ sở	7.11		142.2	15.5	59.7	150.34	292.54	Thạc sĩ Toán học và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý Đại học Vinh	Trung tuyển	
30	172	Nguyễn Thị Nga	22/01/1992	Hà Tĩnh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Khá	Anh B	A	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Tùng Thiện Vương	Giáo viên trung học cơ sở	7.49		149.8	18	65	166	315.8		Trung tuyển	
31	174	Lưu Phương Nam	20/03/1990	Đồng Tháp	Đại học	Công nghệ Sinh học	Khá	Anh C	A	Giáo viên Sinh	Trường THCS Tùng Thiện Vương	Giáo viên trung học cơ sở	7.2		144	15.5	59.3	149.66	293.06		Trung tuyển	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm
32	175	Lê Hữu Thống	24/12/1994	Thanh Hoá	Cao đẳng	Sư phạm Hóa-Sinh	Trung bình	Anh B	A	Giáo viên Sinh	Trường THCS Tùng Thiện Vương	Giáo viên trung học cơ sở	6.33		126.6	15	49.7	129.34	255.92		Trung tuyển	
33	176	Võ Thị Mỹ Trang	15/6/1992	Quảng Trị	Đại học	Giáo dục chính trị	Khá	Anh B	A	Giáo viên GDCCD	Trường THCS Tùng Thiện Vương	Giáo viên trung học cơ sở	7.45		149	15	65.3	160.66	304.06		Trung tuyển	
34	179	Ninh Thị Huyền	10/09/1991	Thái Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Khá	Anh B	B	Tổng phụ trách Đội	Trường THCS Bình An	Giáo viên trung học cơ sở	7.83		156.6	15	53	136	292.6		Trung tuyển	
35	182	Lê Thị Hương	22/12/1993	Hà Nam	Cao đẳng	Sư phạm Toán học	Khá	Anh B	A	Giáo viên Toán	Trường THCS Bình An	Giáo viên trung học cơ sở	7.51		150.2	18	66.3	168.66	318.86		Trung tuyển	
36	185	Võ Thị Kim Thủy	03/11/1993	Quảng Ngãi	Cao đẳng	Sư phạm Ngữ văn	Trung bình	Anh B	A	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Lê Lai	Giáo viên trung học cơ sở	6.94		138.8	22	65	174	312.8		Trung tuyển	
37	188	Nguyễn Thị Kim Anh	11/08/1989	Đắk Lắk	Cao đẳng	Sư phạm Văn - Sư	Khá	Anh B	B	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Lê Lai	Giáo viên trung học cơ sở	7.33		146.6	15	63	156	302.6		Trung tuyển	
38	191	Cao Quốc Việt	15/3/1993	Bến Tre	Cao đẳng	Sư phạm Toán học	Khá	B	A	Giáo viên Toán	Trường THCS Lê Lai	Giáo viên trung học cơ sở	7.62		152.4	20	65.7	171.34	323.74		Trung tuyển	
39	198	Đặng Thị Đinh	24/04/1987	Hải Phòng	Đại học	Ngữ văn	Trung bình khá	Anh B	A	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Phú Lợi	Giáo viên trung học cơ sở	6.44		128.8	16	45.7	123.34	252.14		Trung tuyển	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm
40	199	Phùng Ngọc Thanh Tùng	20/1/1990	TPHCM	Đại học	Sư phạm Toán học	Khá	Anh B	A	Giáo viên Toán	Trường THCS Phú Lợi	Giáo viên trung học cơ sở	7.23		144.6	16	49.7	131.34	274.92		Trung tuyển	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Nếp loại tốt nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=16+19)	Văn bằng khác	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành				Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tốt nghiệp	DTB toàn khóa (= (1+*10+15*10) hoặc 1+2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm P.V.T.H (= (1+*18)*2)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
41	202	Nguyễn Hồng Phương	17/12/1988	TPHCM	Cao đẳng	Sư phạm Kinh tế gia đình	Khá	Anh A	A	Giáo viên Công nghệ tk. TNC	Trường THCS Phú Lợi	Giáo viên trung học cơ sở	7.54		150.2	15.5	67	116.5	315.2		Trung tuyển	
42	203	Trần Thị Thu	16/02/1988	Nam Định	Đại học	Toán - Tin ứng dụng	Trung bình Khá	Anh B	ĐH	Giáo viên Tin học	Trường THCS Phú Lợi	Giáo viên trung học cơ sở	6.76		135.2	15	50.3	130.66	265.86		Trung tuyển	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm
43	208	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	11/11/1987	Đắk Lắk	Đại học	Sư phạm Hóa học	Khá	Anh B1	B	Giáo viên Hóa	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	Giáo viên trung học cơ sở	7.5		150	16	55	142	292	Thầy cô Học 100% qua Đại học, Đại, 100% Khảo học	Trúng tuyển	
44	211	Trần Thị Thủy Hà	20/2/1983	Thanh Hóa	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Trung bình Khá	Anh B	B	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	Giáo viên trung học cơ sở	6.44		128.8	22	59.7	163.34	292.14		Trúng tuyển	

Tổng cộng: 117 ứng viên trúng tuyển

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8



DANH SÁCH

ƯNG VIÊN KHÔNG TRÚNG TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2016 - 2017

(kèm theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Quận 8)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Xếp loại tốt nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=16+19)	Văn bằng khác	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành				Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tốt nghiệp	ĐTB toàn khóa (= (14*10+15*10) hoặc 14*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTH (= (17+18)*2)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
I. Khối mầm non và Trường Hy Vọng:																						
1	003	Trương Thị Ý	1990	Cà Mau	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Trung bình Khá	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vương Hồng	Giáo viên mầm non	7.6	5.8	134	5	25	60	194		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
2	016	Nguyễn Mộng Huyền	25/10/1994	TPHCM	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Khá	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	Giáo viên mầm non	8	7.7	157	13	28	82	239		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
3	002	Nguyễn Mỹ Huyền	26/3/1995	Long An	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Khá	Anh-B	A	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	Giáo viên mầm non	6.73		134.6	12	29	82	216.6		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
II. Khối Tiểu học:																						
1	32	Ninh Thị Thảo	14/09/1992	Nam Định	Cao đẳng	Giáo dục Thể chất	Khá	Anh B	B	GVTH dạy Thể dục	Trường Tiểu học An Phong	Giáo viên tiểu học	7.6	5.8	134	15.5	63	157	291		Không trúng tuyển	
2	40	Nguyễn Ngọc Tú	13/8/1984	TPHCM	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	Khá	Anh A	B	Dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Bùi Minh Trục	Giáo viên tiểu học	7.68		153.6	Vắng	Vắng	Vắng	153.6		Vắng	
3	52	Trần Thị Huyền	27/01/1994	Quảng Bình	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Khá	Anh B	B	Dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Giáo viên tiểu học	7.89		157.8	16	25	82	239.8		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
4	59	Trần Thị Vui	09/12/1992	Đắk Lắk	Cao đẳng	Giáo dục Thể chất	Khá	Anh B	B	GVTH dạy Thể dục	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu	Giáo viên tiểu học	7.05		141	12.5	68	161	302		Không trúng tuyển	
5	68	Đỗ Thị Dung	15/09/1990	Nam Định	Đại học	Sư phạm Thể dục Thể thao	Khá	Anh B	B	GVTH dạy Thể dục	Trường Tiểu học Thái Hưng	Giáo viên tiểu học	6.96		139.2	18.5	46	129	268.2		Không trúng tuyển	
6	71	Nguyễn Thành Như Ý	24/02/1984	Ninh Thuận	Đại học	Giáo dục Thể chất	Khá	Anh B	B	GVTH dạy Thể dục	Trường Tiểu học Tuy Lý Vương	Giáo viên tiểu học	7.53		150.6	12.5	55	135	285.6		Không trúng tuyển	
7	83	Nguyễn Thị Thanh Trúc	09/11/1994	TPHCM	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Khá	Anh B	A	Dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Danh Lâm	Giáo viên tiểu học	7.8		156	Vắng	Vắng	Vắng	156		Vắng	
II. Khối Trung học cơ sở:																						
1	85	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	22/06/1992	TPHCM	Cao đẳng	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	Pháp A	A	Giáo viên Anh văn	Trường THCS Bình Đông	Giáo viên trung học cơ sở	7.31		146.2	Vắng	Vắng	Vắng	146.2		Vắng	
2	87	Lê Thị Thủy	11/10/1992	Hà Nam	Cao đẳng	Sư phạm Sinh-Hóa	Khá	Anh B	B	Giáo viên Sinh	Trường THCS Bình Đông	Giáo viên trung học cơ sở	7.46		149.2	Vắng	Vắng	Vắng	149.2		Vắng	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Nếp loại tốt nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=16+19)	Văn bằng khác	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành				Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tốt nghiệp	ĐTB toàn khoá (= (14*10+15*10) hoặc 14*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTN (= (17+18)*2)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
3	91	Đặng Văn Chinh	30/9/1987	Hưng Yên	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Khá	Anh B	B	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Chanh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	7.75		155	22	23	90	245		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
4	93	Lê Thị Trang	07/07/1988	Đắk Lắk	Đại học	Ngữ văn	Khá	Anh B1	A	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Chanh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	7.67		153.4	16	24.67	81.34	234.74	Thạc sĩ Văn chương và Sư phạm Tiếng Việt	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
5	89	Ngô Thị Ngọc Hoài	02/12/1992	Bình Phước	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Khá	Anh B	B	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Chanh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	6.85		137	20	24.67	89.34	226.34		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
6	94	Vương Thị Hương	28/11/1989	Hải Dương	Đại học	Ngữ Văn	Trung bình khá	B1	B	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Chanh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	6.76		135.2	15	24	78	213.2	Thạc sĩ Ngôn ngữ học Đại học Sư phạm TP HCM	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
7	90	Nguyễn Thị Kim Thảo	22/4/1990	Khánh Hoà	Đại học	Ngữ văn	Trung bình khá	Anh B	B	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Chanh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	6.68		133.6	15	24.5	79	212.6	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
8	95	Võ Thị Tâm	3/10/1991	Quảng Bình	Đại học	Ngữ văn	Trung bình khá	Anh B	B	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Chanh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	6.25		125	15	22.67	75.34	200.34	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
9	105	Giang Thị Thu Hà	06/12/1994	Thái Bình	Đại học	Sư phạm Hoá Học	Khá	Anh A2	B	Giáo viên Hóa	Trường THCS Chanh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	7.76		155.2	15	41	112	267.2		Không trúng tuyển	
10	104	Trần Văn Kha	30/04/1989	TPHCM	Đại học	Hóa học	Trung bình khá	Anh B	A	Giáo viên Hóa	Trường THCS Chanh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	6.83		136.6	17.5	38	111	247.6	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Không trúng tuyển	
11	102	Nguyễn Thị Thu	05/02/1988	Nghệ An	Đại học	Hóa học	Khá	Anh B	B	Giáo viên Hóa	Trường THCS Chanh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	7.09		141.8	12	40	104	245.8	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Không trúng tuyển	
12	100	Nguyễn Thị Thu Thảo	23/01/1992	An Giang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Khá	Anh B	A	Giáo viên Hóa	Trường THCS Chanh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	7.48		149.6	Vắng	Vắng	Vắng	149.6		Vắng	
13	101	Trần Thị Vương Phượng	28/07/1991	Tây Ninh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Khá	Anh B1	B	Giáo viên Hóa	Trường THCS Chanh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	7.01		140.2	Vắng	Vắng	Vắng	140.2	Thạc sĩ Hóa Hữu cơ Đại học Vinh	Vắng	
14	99	Trần Nhật Minh	14/03/1993	TPHCM	Cao đẳng	Sư phạm Hóa học	Khá	Anh B	A	Giáo viên Hóa	Trường THCS Chanh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	7.36		147.2	14	38	104	251.2		Không trúng tuyển	
15	98	Lâm Hoàng Nghĩa	18/04/1994	TPHCM	Cao đẳng	Sư phạm Hóa học	Khá	Anh B	A	Giáo viên Hóa	Trường THCS Chanh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	7.36		147.2	13	38.33	102.66	249.86		Không trúng tuyển	
16	106	Hoàng Thị Mỹ Linh	12/02/1990	Đồng Nai	Đại học	Sư phạm Hoá Học	Khá	Toeic 605	A	Giáo viên Hóa	Trường THCS Chanh Hưng	Giáo viên trung học cơ sở	7.98		159.6	Vắng	Vắng	Vắng	159.6	Thạc sĩ và thạc sĩ Công nghệ Hóa học Đại học Bách Khoa TP HCM	Vắng	
17	108	Nguyễn Ngọc Hỷ	20/9/1992	Nam Định	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Trung bình	Anh B	B	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Dương Bá Trạc	Giáo viên trung học cơ sở	6.61		132.2	14	23.33	74.66	206.86		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
18	109	Hà Thị Hồng	24/5/1991	Thanh Hoá	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	Anh B	A	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Dương Bá Trạc	Giáo viên trung học cơ sở	8.23		164.6	Vắng	Vắng	Vắng	164.6		Vắng	
19	112	Đặng Thị Hằng	15/01/1998	Hải Nam	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Khá	Anh C	B	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS	Giáo viên trung học cơ sở	7.29		145.8	Vắng	Vắng	Vắng	145.8		Vắng	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Nếp loại tốt nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=16+19)	Văn bằng khác	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành				Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tổng nghiệp vụ	ĐTB toán khoa (= (14*10+15*10) hoặc 14*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PATH (= (17+18)*2)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
20	110	Nguyễn Thị Khanh Sa	02/05/1990	Nghệ An	Cao đẳng	Sư phạm Ngữ văn	Trung bình	Anh B	A	Giáo viên: Ngữ Văn	Trường THCS Dương Ba Trắc	Giáo viên trung học cơ sở	6.79		135.8	11	23.33	48.66	204.40		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
21	121	Nguyễn Thị Thu Hà	01/05/1991	Hà Tĩnh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Trung bình Khá	Anh B	A	Tổng phụ trách Đồ:	Trường THCS Khánh Bình	Giáo viên trung học cơ sở	6.65		133	12	Vắng	24	157		Vắng	
22	118	Bùi Thị Thu Vân	02/09/1991	Long An	Cao đẳng	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	DH Nga Toeic 645	A	Giáo viên: Anh văn	Trường THCS Khánh Bình	Giáo viên trung học cơ sở	7.16		143.2	15.5	20.67	84.34	227.54		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
23	119	Phạm Thị Kim Thanh	26/08/1995	Nam Định	Cao đẳng	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	Hàn B	B	Giáo viên: Anh văn	Trường THCS Khánh Bình	Giáo viên trung học cơ sở	7.21		144.2	12	25.3	74.60	218.86		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
24	117	Lê Minh Anh	06/09/1995	Hà Nam	Cao đẳng	Sư phạm Tiếng Anh	Trung bình	Pháp B	B	Giáo viên: Anh văn	Trường THCS Khánh Bình	Giáo viên trung học cơ sở	6.67		133.4	15	24.67	79.34	212.74		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
25	122	Nguyễn Hồng Ân	23/05/1994	TPHCM	Đại học	Sư phạm Sinh học	Giỏi	Anh B	B	Giáo viên: Sinh	Trường THCS Khánh Bình	Giáo viên trung học cơ sở	8.08		161.6	Vắng	Vắng	Vắng	161.6		Vắng	
26	126	Nguyễn Hồng Văn	10/03/1993	Long An	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	Hoa B	A	Giáo viên: Anh văn	Trường THCS Lý Thành Tông	Giáo viên trung học cơ sở	7.16		143.2	15.5	24.7	80.34	223.54		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
27	125	Nguyễn Thị Kiều Thảo	08/12/1972	Quảng Ngãi	Đại học	Tiếng Anh	Trung bình	Pháp B, Anh B1	B	Giáo viên: Anh văn	Trường THCS Lý Thành Tông	Giáo viên trung học cơ sở	5.96		119.2	13.5	25.3	77.60	196.86		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
28	128	Nguyễn Quốc Trí	17/05/1988	TPHCM	Đại học	Giáo dục thể chất	Khá	Anh B	A	Giáo viên: Thể dục	Trường THCS Lý Thành Tông	Giáo viên trung học cơ sở	7.67		153.4	15.5	24	79	232.4		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
29	129	Nguyễn Thùy Linh	20/01/1994	Thái Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giỏi	Anh B	A	Giáo viên: Vật lý	Trường THCS Lý Thành Tông	Giáo viên trung học cơ sở	8.53		170.6	16	30	92	262.6		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
30	132	Trần Thị Nhung	28/10/1993	Đắk Lắk	Đại học	Sư phạm Vật lý	Khá	Anh B	Sơ cấp nghề	Giáo viên: Vật lý	Trường THCS Lý Thành Tông	Giáo viên trung học cơ sở	7.58		151.6	14	40	108	250.6		Không trúng tuyển	
31	135	Nguyễn Thị Oanh	21/12/1990	Nam Định	Đại học	Vật lý học	Trung bình Khá	B1	B	Giáo viên: Vật lý	Trường THCS Lý Thành Tông	Giáo viên trung học cơ sở	6.89		137.8	17.5	35	105	242.8	Thạc sĩ Vật lý nghiên cứu tại Đại học Sư phạm TP HCM, đang chờ Nghiệp vụ sư phạm	Không trúng tuyển	
32	133	Trần Đình Thiên	20/01/1982	Nghệ An	Đại học	Sư phạm Vật lý	Trung bình Khá	Anh B	B	Giáo viên: Vật lý	Trường THCS Lý Thành Tông	Giáo viên trung học cơ sở	6.88		137.6	15	28	80	223.6	Ton thương bình	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
33	130	Trần Thị Hằng	05/08/1990	Nghệ An	Đại học	Vật lý học	Trung bình Khá	Anh B	A	Giáo viên: Vật lý	Trường THCS Lý Thành Tông	Giáo viên trung học cơ sở	6.49		129.8	15	30	80	219.8	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành, dưới 50 điểm
34	134	Đoàn Anh Tài	01/12/1988	Bạc Liêu	Đại học	Sư Phạm Vật Lý - Tin học	Khá	Anh B	B	Giáo viên: Vật lý	Trường THCS Lý Thành Tông	Giáo viên trung học cơ sở	6.53		130.6	Vắng	Vắng	Vắng	130.6		Vắng	
35	131	Nguyễn Thị Ngọc Bích	02/10/1992	Long An	Cao đẳng	Sư phạm Vật lý	Khá	Anh B	A	Giáo viên: Vật lý	Trường THCS Lý Thành Tông	Giáo viên trung học cơ sở	7.13		142.6	11.5	31	85	227.6		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
		Trịnh Minh Trí	19/02/1993	TPHCM	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	Pháp A, Toeic 990	A	Giáo viên: Anh văn	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	7.23		144.6	16	24.7	81.34	225.42		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành, dưới 50 điểm

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Xếp loại tốt nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phong văn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=16+19)	Văn bằng khác	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành				Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tốt nghiệp	ĐTB toàn khoá (= (14*10+15*10) hoặc 14*2*10)	Điểm phong văn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTH (=17+18)*21				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
37	140	Nguyễn Tuấn	25/05/1975	Đồng Nai	Đại học	Anh văn	Trung bình	Pháp A, Anh B2	B	Giáo viên Anh văn	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	5,44		108,8	14,5	22,7	72,34	183,4		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phong văn, thực hành chưa 50 điểm
38	154	Trương Thị Hồng	10/06/1993	Thanh Hoá	Đại học	Sư phạm Toán học	Giỏi	Anh B	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	7,86		157,2	18	30	90	253,2		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phong văn, thực hành chưa 50 điểm
39	151	Đào Thị Thu Yến	16/09/1992	Ninh Bình	Đại học	Sư phạm Toán	Khá	Anh B	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	7,45		149	20	30	110	249		Không trúng tuyển	
40	153	Nguyễn Thị Thu Hào	06/02/1988	Đắk Lắk	Đại học	Sư phạm Toán học	Khá	Anh B1	A	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	7,76		155,2	19,5	25,3	89,66	244,86	Thực A Lý luận và PV dạy học bổ môn Toán-ĐIỂM THÍCH	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phong văn, thực hành chưa 50 điểm
41	152	Lê Thị Nguyệt Nga	25/02/1991	Gia Lai	Đại học	Sư phạm Toán	Khá	Anh B	A	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	7,06		141,2	16	29,7	97,34	232,54		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phong văn, thực hành chưa 50 điểm
42	155	Trần Vĩ Nghĩa	27/10/1988	Khánh Hoà	Đại học	Sư phạm Toán học	Khá	Anh B	A	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	7,01		140,2	20,5	25,3	97,66	231,86	Thực A Đại số và Lý thuyết số-ĐIỂM THÍCH	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phong văn, thực hành chưa 50 điểm
43	157	Lã Thị Thanh Xuân	20/11/1992	Nam Định	Đại học	Sư phạm Toán học	Khá	Trung A2	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	6,92		138,4	17	24,7	83,34	221,74		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phong văn, thực hành chưa 50 điểm
44	156	Hồ Hà Đặng	26/12/1987	Bình Thuận	Đại học	Sư phạm Toán học	Trung bình khá	Anh B	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	6,44		128,8	17	25	84	212,8	Thực A Toán và các môn-ĐIỂM THÍCH	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phong văn, thực hành chưa 50 điểm
45	150	Trần Quốc Thịnh	12/10/1986	Bình Định	Đại học	Sư phạm Toán học	Trung bình khá	Anh B	A	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	6,25		125	14,5	25,3	79,66	204,66		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phong văn, thực hành chưa 50 điểm
46	147	Lưu Thị Hoàn	12/02/1986	Thanh Hoá	Đại học	Sư phạm Toán học	Trung bình khá	Anh B	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	6,46		129,2	20	Vắng	40	169,2		Vắng	
47	144	Đinh Thị Thu Hằng	27/12/1992	Hà Tĩnh	Cao đẳng	Sư phạm Toán - Lý	Khá	Toeic 735	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	7,12		142,4	15	39,3	108,66	251,66		Không trúng tuyển	
48	148	Nguyễn Thị Thu	06/04/1993	Đắk Lắk	Cao đẳng	Sư phạm Toán học	Khá	Anh B	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	7,93		158,6	16,5	39	111	269,6		Không trúng tuyển	
49	158	Đỗ Việt Chinh	17/06/1990	Hà Nam	Đại học	Sinh học	Trung bình	Anh C	B	Giáo viên Sinh	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáo viên trung học cơ sở	6,26		125,2	15	23	76	201,2	SP bậc 1	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phong văn, thực hành chưa 50 điểm
50	161	Nguyễn Trung Uy	10/01/1985	Đắk Lắk	Đại học	Toán-Tin học	Trung bình	TOEFL ITP 220	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	6,54		130,8	16	47	126	250,8	Thực A Toán và các môn-ĐIỂM THÍCH, chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Không trúng tuyển	
51	160	Vũ Xuân Hòa	05/08/1988	Nam Định	Đại học	Sư phạm Toán học	Khá	Anh B	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	6,73		134,6	Vắng	Vắng	Vắng	134,6		Vắng	
52	167	Phạm Thị Hà	02/07/1994	Nam Định	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Xuất sắc	Anh C	B	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	8,5		170	19	40,7	119,34	289,34		Không trúng tuyển	
53	164	Nguyễn Văn Đức	22/11/1993	Long An	Đại học	Sư phạm	Khá	Anh B	A	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	7,45		149	22,5	41	127	276		Không trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=16+19)	Văn bằng khác	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Nếp loại tốt nghiệp			Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tốt nghiệp	ĐTB toán khoa (= (14*10+15*10) hoặc 14*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTN (= (17+18)*2)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
54	166	Nguyễn Thị Lý	05/12/1982	Nghệ An	Đại học	Vật lý	Trung bình khá	Anh B1	B	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	6.96		139.2	20.5	37.7	116.34	255.54	Thạc sĩ Quang học Đại học Vinh, chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Không trúng tuyển	
55	165	Trần Thị Huyền Trang	25/05/1990	Ninh Bình	Đại học	Vật lý	Khá	Anh B	B	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	6.95		139	14.5	23.7	76.34	215.34	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn thực hành môn 50 điểm
56	163	Trần Duy Trinh	25/10/1991	Nam Định	Đại học	Vật lý	Trung bình	Anh B	B	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	6.35		127	18	23	82	209	Con bệnh học hàng 2/3 chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn thực hành môn 50 điểm
57	168	Trinh Thị Bè Chính	18/03/1987	Kiên Giang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Trung bình khá	Anh B	B	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	6.86		137.2	Vắng	Vắng	Vắng	137.2		Vắng	
58	170	Võ Thị Ngân	02/03/1993	Hà Tĩnh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Khá	Anh B	B	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Tung Thiện Vương	Giáo viên trung học cơ sở	7.81		156.2	17	24.3	82.66	238.86		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn thực hành môn 50 điểm
59	171	Nguyễn Tiến Lực	26/3/1989	Quảng Bình	Đại học	Ngữ văn	Khá	Anh B	B	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Tung Thiện Vương	Giáo viên trung học cơ sở	7.19		143.8	15.5	20	71	214.8	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn thực hành môn 50 điểm
60	173	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	20/01/1985	Long An	Đại học	Ngữ văn	Trung bình khá	Anh B	A	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Tung Thiện Vương	Giáo viên trung học cơ sở	6.78		135.6	15	25	80	215.6	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn thực hành môn 50 điểm
61	177	Huỳnh Văn Toàn	01/05/1990	Long An	Cao đẳng	Giáo dục công dân	Giỏi	Anh B	A	Giáo viên GDCD	Trường THCS Tung Thiện Vương	Giáo viên trung học cơ sở	7.77		155.4	Vắng	Vắng	Vắng	155.4		Vắng	
62	178	Nguyễn Thị Minh Tinh	15/3/1992	Quảng Ngãi	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Khá	Anh B	B	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Bình An	Giáo viên trung học cơ sở	7.45		149	15	22.7	75.34	224.34		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn thực hành môn 50 điểm
63	180	Từ Thị Ngân	14/7/1988	Hà Nam	Đại học	Sư phạm Toán học	Khá	Anh B1	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Bình An	Giáo viên trung học cơ sở	7.29		145.8	14.5	23.3	75.66	221.46	Thạc sĩ Đại số lý thuyết số Đại học Sư phạm Hà Nội	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn thực hành môn 50 điểm
64	183	Lê Đức Mạnh	14/02/1991	Bình Định	Đại học	Sư phạm Toán học	Trung bình khá	B1	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Bình An	Giáo viên trung học cơ sở	6.82		136.4	17	23	80	216.4	Thạc sĩ Hình học và Topo Đại học Sư phạm TP HCM	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn thực hành môn 50 điểm
65	181	Bùi Thị Khuyên	24/01/1995	Hà Nam	Cao đẳng	Sư phạm Toán - Lý	Khá	Anh B	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Bình An	Giáo viên trung học cơ sở	7.19		143.8	18	24	84	227.8		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn thực hành môn 50 điểm
66	184	Đỗ Anh Tuấn	01/02/1987	TPHCM	Cao đẳng	Sư phạm Toán học	Trung bình	Anh B	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Bình An	Giáo viên trung học cơ sở	6.21		124.2	16	22	76	200.2		Không trúng tuyển	
67	186	Vũ Thị Hoa	17/8/1986	Hà Nam	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Khá	Anh B	A	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Lê Lai	Giáo viên trung học cơ sở	7.87		157.4	16	23.3	78.66	236.66		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn thực hành môn 50 điểm
68	187	Trần Thị Thủy	13/11/1989	Hải Dương	Đại học	Văn học	Khá	Anh B	Tin học Đại cương	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Lê Lai	Giáo viên trung học cơ sở	7.42		140.4	14.5	24	77	217.4	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn thực hành môn 50 điểm
69	190	Hoàng Thu Hiền	19/02/1991	Quảng Bình	Đại học	Ngữ văn	Trung bình khá	Anh B	B	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Lê Lai	Giáo viên trung học cơ sở	6.5		130	15	22.7	75.34	205.34	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn thực hành môn 50 điểm
		Châu Minh Thúc	06/01/1991	Bình Định	Đại học	Ngữ văn	Trung bình khá	Anh B	A	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Lê Lai	Giáo viên trung học cơ sở	6.31		126.2	15	23.7	77.34	203.54	chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn thực hành môn 50 điểm

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Xếp loại tốt nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=16+19)	Văn bằng khác	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành				Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tốt nghiệp	ĐTB toàn khóa (= (14*10+15 *10) hoặc 14*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTN (=(17+18) *2)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
71	194	Lê Văn Long	18/11/1990	Hà Nam	Đại học	Sư phạm Toán học	Khá	Anh B	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Lê Lai	Giáo viên trung học cơ sở	7.33		146.6	22	22.7	89.34	235.94		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện sét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
72	192	Trần Trọng Huỳnh	03/02/1987	An Giang	Đại học	Sư phạm Toán	Trung bình khá	Anh B	A	Giáo viên Toán	Trường THCS Lê Lai	Giáo viên trung học cơ sở	6.83		136.6	16	24.7	81.34	217.94	Thạc sĩ Đại số và Lý thuyết số Đại học Sư phạm TPHCM	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện sét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
73	193	Nguyễn Thanh Hiền	14/9/1991	Nam Định	Đại học	Sư phạm Toán học	Trung bình	Anh B	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Lê Lai	Giáo viên trung học cơ sở	6.26		125.2	18	22.7	81.34	206.54		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện sét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
74	195	Nguyễn Thị Kim Thoa	02/03/1984	Bến Tre	Đại học	Sư phạm Sinh học	Trung bình khá	Anh B	KTV	Giáo viên Sinh	Trường THCS Lê Lai	Giáo viên trung học cơ sở	6.26		125.2	Vắng	Vắng	Vắng	125.2		Vắng	
75	196	Nguyễn Tuấn Anh	08/08/1992	Cà Mau	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Khá	Anh B	A	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Phú Lợi	Giáo viên trung học cơ sở	7.77		155.4	19.5	23	85	240.4		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện sét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
76	197	Nguyễn Thị Ngọc Anh	22/2/1993	Ninh Bình	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Khá	Anh B	B	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Phú Lợi	Giáo viên trung học cơ sở	7.02		140.4	17	24.7	83.34	223.74		Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện sét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
77	200	Phạm Thu Thủy	10/03/1992	Nam Định	Đại học	Sư phạm Toán học	Khá	Anh C	B	Giáo viên Toán	Trường THCS Phú Lợi	Giáo viên trung học cơ sở	7.95		159	Vắng	Vắng	Vắng	159		Vắng	
78	201	Trang Thị Thu Minh	08/08/1995	TPHCM	Cao đẳng	Sư phạm Kinh tế gia đình	Khá	Anh B	A	Giáo viên Công nghệ (KTCN)	Trường THCS Phú Lợi	Giáo viên trung học cơ sở	7.93		158.6	Vắng	Vắng	Vắng	158.6		Vắng	
79	206	Hồ Thị Hiền	02/06/1990	Hà Tĩnh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Khá	Anh B	A	Giáo viên Hóa	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	Giáo viên trung học cơ sở	7.98		159.6	21	36	114	273.6		Không trúng tuyển	
80	204	Nguyễn Thị Yến	20/08/1992	Hà Nam	Đại học	Sư phạm Hóa học	Khá	Anh B	B	Giáo viên Hóa	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	Giáo viên trung học cơ sở	7.66		153.2	20	38	116	269.2		Không trúng tuyển	
81	207	Tạ Thị Thu	10/02/1992	Nam Định	Đại học	Sư phạm Hóa học	Khá	Anh B	B	Giáo viên Hóa	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	Giáo viên trung học cơ sở	7.16		143.2	19	40.7	119.34	262.54		Không trúng tuyển	
82	205	Lê Phương Thảo	9/13/1990	Lâm Đồng	Đại học	Sư phạm Hóa học	Khá	Anh B	B	Giáo viên Hóa	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	Giáo viên trung học cơ sở	7.15		143	18.5	39	115	258	Sắp xong ThS	Không trúng tuyển	
83	209	Phạm Thị Huệ	10/10/1989	Hưng Yên	Đại học	Sư phạm Hoá Học	Khá	Anh B1	A	Giáo viên Hóa	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	Giáo viên trung học cơ sở	7.14		142.8	16	40	112	254.8		Không trúng tuyển	
84	212	Nguyễn Thị Liễu	26/07/1990	Nghệ An	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Khá	Anh B1	B	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	Giáo viên trung học cơ sở	7.57		151.4	20	24.7	89.34	240.74	Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam Đại học Vinh	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện sét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
85	213	Nguyễn Thị Sao Mai	21/10/1988	Nam Định	Đại học	Lịch sử	Trung bình Khá	Anh B	B	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	Giáo viên trung học cơ sở	6.74		134.8	19.5	25	89	223.8	chương chi Nghị vụ sư phạm	Không trúng tuyển	Không đủ điều kiện sét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
86	210	Võ Thị Kiều Anh	12/11/1994	Long An	Cao đẳng	Sư phạm Lịch sử	Khá	Anh B	A	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	Giáo viên trung học cơ sở	7.22		144.4	Vắng	Vắng	Vắng	144.4		Vắng	

Tổng cộng: 96 ứng viên không trúng tuyển